TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2018/DS-ST Ngày: 12-4-2018. V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Dương Hải Long**

Ông **Trương Minh Thọ**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hoàng Ngọc Trung Dũng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Minh Thị Hoàng O**, sinh năm: 1979, địa chỉ cư trú: 25x thôn X, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Lệ T, địa chỉ cư trú: số 9x N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà **Trương Thị T,** sinh năm 1969, địa chỉ cư trú: 14x thôn X, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Hoàng Văn T** – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T, địa chỉ: 4x đường C, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà T có mặt tại phiên tòa, bà T vắng mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Minh Thị Hoàng O, tại bản tự khai của bà Phan Thị Lệ T là người được nguyên đơn bà Minh Thị Hoàng O ủy quyền cho rằng: ngày 31/5/2016, bà O cho bà T vay số tiền 300.000.000đ. Khi lập hợp đồng vay, bà O và bà T lấy mẫu giấy nhận nợ của DNTN T ghi và ký theo mẫu in sẵn (trong mẫu in sẵn có nội dung ứng tiền để đầu tư mua cà phê), bà T xác định hợp đồng giữa bà O và bà T là hợp đồng vay không phải là hợp đồng mua bán cà phê và việc vay tiền này không liên quan gì đến ông Hoàng Văn T – Chủ DNTN T. Nay bà O yêu cầu T trả 300.000.000đ tiền vốn và lãi theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 28/11/2017, bà Trương Thị T trình bày: vào năm 2010 bà có vay của bà O 20.000.000đ với lãi 3%/tháng, năm 2011 vay thêm 10.000.000đ lãi 6%/tháng, tổng cộng là 30.000.000đ. Đến năm 2012 bà ngưng trả lãi nên bà O chốt nợ cả gốc và lãi là 100.000.000đ, sau đó bà trả lãi 3%/tháng trên số tiền 100.000.000đ. Đến năm 2014 bà không trả lãi được, bà O chốt nợ vốn và lãi nhập vốn lên 200.000.000đ, bà lại trả lãi 3%/tháng của số tiền 200.000.000đ cho đến cuối năm 2015. Năm 2016, bà O tiếp tục chốt nợ lên 300.000.000đ, lãi 3%/tháng. Các lần chốt nợ, bà O đều viết và buộc bà ký nhận. Do đó, bà chỉ đồng ý trả cho bà O 30.000.000đ tiền vốn vay.

Tại bản tự khai ngày 23/3/2018, ông Hoàng Văn T – Chủ DNTN T khẳng định: DNTN T không có liên quan gì đến số tiền 300.000.000đ tại giấy nhận nợ ngày 31/5/2016 giữa bà O và bà T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà T là người được nguyên đơn bà O ủy quyền yêu cầu bà T thanh toán số tiền 300.000.000đ, không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị T đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay bà T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng; ông Hoàng Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T là đúng quy định của pháp luật; Xuất phát từ việc bà O và bà T

có lập hợp đồng vay tiền, song các bên còn đang tranh chấp số tiền 300.000.000đ. Do đó, xác định quan hệ là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Bà O khởi kiện bà T, bị đơn có nơi cư trú tại thôn X, xã T, thành phố Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét chứng cứ là giấy nhận nợ ngày 31/5/2016 được viết trên mẫu giấy nhận nợ của DNTN T nhưng không có chữ ký và con dấu của DNTN T, nội dung phần viết tay thể hiện bà T vay tiền của bà O. Nguyên đơn xác định tuy bà T và bà O viết giấy vay tiền trên mẫu giấy nhận nợ của DNTN T nhưng đó chỉ là việc vay tiền giữa bà O và bà T không liên quan đến DNTN T. Hơn nữa ông Hoàng Văn T – Chủ DNTN T xác định giấy nhận nợ ngày 31/5/2016 trên mẫu của DNTN T giữa bà O và bà T không liên quan đến DNTN T. Mặt khác, tại bản tự khai bà T thừa nhận có nợ bà O nhưng còn tranh chấp số tiền vốn vay. Do đó, có căn cứ xác định giấy nhận nợ ngày 31/5/2016 giữa bà Trương Thị T và bà Minh Thị Hoàng O không liên quan đến DNTN T, Vì vậy, việc bà O khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền đã vay là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà T trả số tiền 300.000.000đ theo giấy vay ngày 07/11/2014. Tại bản tự khai ngày 28/11/2017, bà T xác định bà chỉ vay 20.000.000đ năm 2010 và 10.000.000đ năm 2011, đến năm 2012 bà O nhập cả vốn và lãi là 100.000.000đ, năm 2015 nhập vốn và lãi nhập vốn thành 200.000.000đ, năm 2016 tiếp tục nhập vốn và lãi thành 300.000.000đ, lãi 3%/tháng. Tuy nhiên, bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh giấy vay ngày 31/5/2016 là từ khoản nợ 30.000.000đ năm 2010, 2011 và lãi nhập thành vốn, nguyên đơn lại không thừa nhận, bản thân bà T là người ký vào giấy nhận nợ. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc bà T phải thanh toán cho bà O số tiền 300.000.000đ.

[4] Ghi nhận sự tự nguyện của bà T là người được bà O ủy quyền không yêu cầu bà T trả lãi.

[5] Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà O là 300.000.000đ x 5% = 15.000.000đ theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357, điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Minh Thị Hoàng O về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Trương Thị T

1. Buộc bà Trương Thị T có trách nhiệm trả cho bà Minh Thị Hoàng O số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Trương Thị T phải chịu 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Minh Thị Hoàng O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0001735 ngày 09/10/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Thị Thanh Thủy